

# **Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

# Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 27

# Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 451/CNn/TCLĐ do Bộ Công nghiệp cấp ngày 7 tháng 5 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 103022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 1994.

Ngày 23 tháng 10 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 624/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103002999 ngày 28 tháng 12 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 11 tháng 1 năm 2016, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300391040 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty trước đây được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Giấy phép Niêm yết số 70/UBCK-GPNY do HOSE cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006. Tuy nhiên, Công ty đã được các cổ đông đồng thuận thông qua phương án hủy niêm yết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức vào ngày 6 tháng 6 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty đã được hủy niêm yết chính thức vào ngày 15 tháng 10 năm 2015 theo Quyết định số 418/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất bao bì nhựa dùng cho thực phẩm, hàng tiêu dùng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô II, Cụm 4, Đường số 13, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cho Jum Kun	Chủ tịch
Ông Park Moonsu	Thành viên
Ông Song Jongsun	Thành viên
Ông Jo Jeong Kook	Thành viên
Ông Lee Sehoon	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Nhân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2016
Ông Phạm Thế Nghĩa	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2016
Ông Choi Sang Woo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2016
Ông Cho Hyonwoo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2016
Bà Trương Thị Thanh Huyền	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 2 năm 2016

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Jo Jeong Kook.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Jo Jeong Kook.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Jo Jeong Kook  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61277151/18662603-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, lần lượt phát hành các báo cáo chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 7 năm 2015 và ngày 3 tháng 2 năm 2016.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

  
Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>630.016.112.728</b>	<b>623.878.943.936</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>28.444.475.229</b>	<b>182.746.432.093</b>
111	1. Tiền		28.444.475.229	16.746.432.093
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	166.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>180.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	180.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>270.006.395.011</b>	<b>264.107.410.850</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	266.337.265.841	254.988.853.219
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.704.736.032	11.293.527.115
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.126.649.153	998.771.780
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(3.162.256.015)	(3.173.741.264)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>148.152.587.875</b>	<b>172.633.566.556</b>
141	1. Hàng tồn kho		148.152.587.875	172.633.566.556
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.412.654.613</b>	<b>4.391.534.437</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.230.127.414	4.035.409.421
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	182.527.199	356.125.016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>163.611.547.718</b>	<b>189.590.294.806</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>153.777.635.227</b>	<b>178.362.267.726</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	129.070.220.082	153.095.818.711
222	Nguyên giá		678.453.910.021	678.333.808.121
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(549.383.689.939)	(525.237.989.410)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	24.707.415.145	25.266.449.015
228	Nguyên giá		34.267.498.262	34.237.798.962
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.560.083.117)	(8.971.349.947)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		50.000.000	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.773.912.491</b>	<b>11.218.027.080</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	8.965.001.190	11.218.027.080
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	808.911.301	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>793.627.660.446</b>	<b>813.469.238.742</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>192.143.174.430</b>	<b>256.473.330.202</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>188.098.617.924</b>	<b>256.473.330.202</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	90.989.398.389	90.420.446.689
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.098.666.753	1.570.433.633
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.548.195.125	9.438.925.323
314	4. Phải trả người lao động		6.850.940.031	7.235.292.448
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	19.466.348.597	21.605.872.598
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	61.032.897.815	51.760.234.216
320	7. Vay ngắn hạn		-	73.329.954.081
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.112.171.214	1.112.171.214
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.044.556.506</b>	-
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	16	4.044.556.506	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>601.484.486.016</b>	<b>556.995.908.540</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>601.484.486.016</b>	<b>556.995.908.540</b>
411	1. Vốn cổ phần		149.999.980.000	149.999.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.999.980.000	149.999.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		154.777.960.000	154.777.960.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(45.918.033.800)	(45.918.033.800)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		177.152.251.138	177.152.251.138
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		165.472.328.678	120.983.751.202
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		120.983.751.202	60.275.876.933
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		44.488.577.476	60.707.874.269
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>793.627.660.446</b>	<b>813.469.238.742</b>

Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

Le Sehoon  
Giám đốc Tài chính

Jo Jeong Kook  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	685.109.647.811	665.271.474.175
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(2.307.244.616)	(1.976.868.839)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	682.802.403.195	663.294.605.336
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(569.289.874.397)	(567.226.229.181)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		113.512.528.798	96.068.376.155
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	4.482.252.012	2.091.938.117
22	7. Chi phí tài chính	21	(723.216.936)	(14.686.753.100)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(681.864.761)	(14.429.699.965)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(20.597.337.203)	(16.591.122.622)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(25.436.763.044)	(34.490.894.719)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.237.463.627	32.391.543.831
31	11. Thu nhập khác		110.891.472	1.226.754.631
32	12. Chi phí khác	22	(15.222.310.785)	(125.789.244)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(15.111.419.313)	1.100.965.387
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.126.044.314	33.492.509.218
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(12.446.378.139)	(7.828.649.579)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	808.911.301	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		44.488.577.476	25.663.859.639
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.3	3.291	1.894
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.3		1.894

Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

Le Sehoon  
Giám đốc Tài chính

Jon Jeong Kook  
Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>56.126.044.314</b>	<b>33.492.509.218</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	24.966.566.799	28.059.359.738
03	Hoàn nhập dự phòng		(11.485.249)	(25.493.404)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.738.903)	23.382.900
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.462.592.410)	(2.436.824.755)
06	Chi phí lãi vay		681.864.761	14.429.699.965
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>77.293.659.312</b>	<b>73.542.633.662</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(4.032.401.095)	92.299.958.289
10	Giảm hàng tồn kho		24.480.978.681	41.693.658.839
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		13.872.138.102	(60.534.484.667)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.058.307.897	(1.931.581.742)
14	Tiền lãi vay đã trả		(724.393.710)	(16.883.311.075)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(17.276.188.983)	(1.941.059.190)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(5.419.010.240)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>96.672.100.204</b>	<b>120.826.803.876</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(431.934.300)	(2.127.760.650)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		18.181.818	775.909.092
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(180.000.000.000)	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức được chia		2.762.910.592	1.660.915.663
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(177.650.841.890)</b>	<b>309.064.105</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
32	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	17.1	-	(966.900.000)
33	Tiền vay nhận được		4.941.273.233	517.001.533.393
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(78.271.227.314)	(620.604.954.966)
36	Cổ tức đã trả		-	(639.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(73.329.954.081)</b>	<b>(104.570.960.923)</b>
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		<b>(154.308.695.767)</b>	<b>16.564.907.058</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		<b>182.746.432.093</b>	<b>71.681.705.249</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		<b>6.738.903</b>	<b>4.701.103</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<b>28.444.475.229</b>	<b>88.251.313.410</b>

Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

Le Sehoon  
Giám đốc Tài chính



Jo Jeong Kook  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 451/CNn/TCLD do Bộ Công nghiệp cấp ngày 7 tháng 5 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 103022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 1994.

Ngày 23 tháng 10 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 624/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103002999 ngày 28 tháng 12 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 11 tháng 1 năm 2016, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300391040 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty trước đây được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Giấy phép Niêm yết số 70/UBCK-GPNY do HOSE cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006. Tuy nhiên, Công ty đã được các cổ đông đồng thuận thông qua phương án hủy niêm yết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức vào ngày 6 tháng 6 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty đã được hủy niêm yết chính thức vào ngày 15 tháng 10 năm 2015 theo Quyết định số 418/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất bao bì nhựa dùng cho thực phẩm, hàng tiêu dùng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô II, Cụm 4, Đường số 13, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 813 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 833).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất	43 - 46 năm
Tài sản khác	4 năm

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đó theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.10 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.14 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	141.034.851	103.749.287
Tiền gửi ngân hàng	28.303.440.378	16.642.682.806
Các khoản tương đương tiền	-	166.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>28.444.475.229</u></b>	<b><u>182.746.432.093</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 4,7%/năm đến 6,5%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Quốc Tế Unilever Việt Nam	152.973.829.254	152.352.860.792
Phải thu các bên khác	113.363.436.587	102.635.992.427
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>266.337.265.841</u></b>	<b><u>254.988.853.219</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.162.256.015)	(3.173.741.264)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>263.175.009.826</u></b>	<b><u>251.815.111.955</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	3.173.741.264	3.378.939.737
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	21.527.000	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(33.012.249)	(73.493.404)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.162.256.015</u></b>	<b><u>3.305.446.333</u></b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi	2.417.194.444	735.694.444
Bảo hiểm xã hội	145.288.947	148.983.336
Khác	564.165.762	114.094.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.126.649.153</u></b>	<b><u>998.771.780</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nguyên liệu, vật liệu	101.157.744.695	115.043.293.420
Thành phẩm	28.685.394.383	38.683.375.678
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.300.578.797	16.109.171.684
Công cụ, dụng cụ	8.870.000	5.200.000
Hàng đang đi trên đường	-	2.787.922.563
Hàng hóa	-	4.603.211
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>148.152.587.875</u></b>	<b><u>172.633.566.556</u></b>

## Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	132.768.406.114	473.663.922.344	59.879.256.359	10.188.845.114	1.833.378.190	678.333.808.121
Mua trong kỳ	119.865.000	-	232.370.000	-	-	352.235.000
Thanh lý	-	(232.133.100)	-	-	-	(232.133.100)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	132.888.271.114	473.431.789.244	60.111.626.359	10.188.845.114	1.833.378.190	678.453.910.021
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	32.666.127.867	304.743.436.419	38.697.203.968	3.579.215.741	1.642.142.190	381.328.126.185
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	65.116.259.354	401.613.150.440	49.470.081.902	7.296.928.422	1.741.569.292	525.237.989.410
Khấu hao trong kỳ	4.406.437.019	17.099.202.054	1.739.447.710	1.088.746.932	43.999.914	24.377.833.629
Thanh lý	-	(232.133.100)	-	-	-	(232.133.100)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	69.522.696.373	418.480.219.394	51.209.529.612	8.385.675.354	1.785.569.206	549.383.689.939
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	67.652.146.760	72.050.771.904	10.409.174.457	2.891.916.692	91.808.898	153.095.818.711
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	63.365.574.741	54.951.569.850	8.902.096.747	1.803.169.760	47.808.984	129.070.220.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	31.394.484.385	2.843.314.577	34.237.798.962
Mua trong kỳ	-	29.699.300	29.699.300
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	31.394.484.385	2.873.013.877	34.267.498.262
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	4.356.025.551	1.200.792.827	5.556.818.378
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.223.049.872	1.748.300.075	8.971.349.947
Hao mòn trong kỳ	307.554.720	281.178.450	588.733.170
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.530.604.592	2.029.478.525	9.560.083.117
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	24.171.434.513	1.095.014.502	25.266.449.015
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	23.863.879.793	843.535.352	24.707.415.145

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	3.230.127.414	4.035.409.421
Khác	2.861.466.114	4.018.377.708
	368.661.300	17.031.713
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	8.965.001.190	11.218.027.080
	8.965.001.190	11.218.027.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.195.128.604</b>	<b>15.253.436.501</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhựa bao bì Kiến Đức	16.877.876.639	13.758.646.165
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	12.318.824.311	12.497.556.852
Khác	61.792.697.439	64.164.243.672
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.989.398.389</b>	<b>90.420.446.689</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	8.639.726.581	12.446.378.139	17.276.188.983	3.809.915.737
Thuế GTGT	797.638.742	39.232.452.130	36.291.811.484	3.738.279.388
Khác	1.560.000	411.829.409	413.389.409	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.438.925.323</b>	<b>52.090.659.678</b>	<b>53.981.389.876</b>	<b>7.548.195.125</b>

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	356.125.016	3.192.870.389	3.373.509.471	175.485.934
Thuế nhập khẩu	-	626.435.064	619.393.799	7.041.265
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>356.125.016</b>	<b>3.819.305.453</b>	<b>3.992.903.270</b>	<b>182.527.199</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thường	16.000.000.000	20.028.981.113
Khác	3.466.348.597	1.576.891.485
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.466.348.597</b>	<b>21.605.872.598</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ký quỹ nhận được (*)	59.165.164.000	49.165.164.000
Cổ tức phải trả	898.459.000	898.459.000
Khác	969.274.815	1.696.611.216
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.032.897.815</b>	<b>51.760.234.216</b>

(\*) Vào ngày 20 tháng 8 năm 2015, Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư và chuyển nhượng với tổng giá trị là 115.165.164.000 VND với Công ty TNHH Ngôi Nhà Xanh liên quan đến việc đầu tư và chuyển nhượng dự án Trung tâm thương mại Exim Plaza tại địa chỉ Số 96, Đường Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	149.999.980.000	154.777.960.000	(44.951.133.800)	177.152.251.138	67.034.761.933	504.013.819.271
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	25.663.859.639	25.663.859.639
Mua lại cổ phiếu	-	-	(966.900.000)	-	-	(966.900.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>149.999.980.000</u>	<u>154.777.960.000</u>	<u>(45.918.033.800)</u>	<u>177.152.251.138</u>	<u>92.698.621.572</u>	<u>528.710.778.910</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	149.999.980.000	154.777.960.000	(45.918.033.800)	177.152.251.138	120.983.751.202	556.995.908.540
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	44.488.577.476	44.488.577.476
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>149.999.980.000</u>	<u>154.777.960.000</u>	<u>(45.918.033.800)</u>	<u>177.152.251.138</u>	<u>165.472.328.678</u>	<u>601.484.486.016</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Số lượng	Số lượng
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.999.998	14.999.998
Cổ phiếu phổ thông	14.999.998	14.999.998
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.482.228	1.482.228
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	13.517.770	13.517.770

**17.3 Lãi trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	44.488.577.476	25.663.859.639
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	13.517.770	13.547.221
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)</b> (Mệnh giá: 10,000 VND/cổ phiếu)	<b>3.291</b>	<b>1.894</b>
<b>Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b>3.291</b>	<b>1.894</b>

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>685.109.647.811</b>	<b>665.271.474.175</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	678.349.710.900	655.514.547.426
Doanh thu bán hàng hóa	4.427.549.923	7.434.663.864
Khác	2.332.386.988	2.322.262.885
<b>Trừ:</b>	<b>(2.307.244.616)</b>	<b>(1.976.868.839)</b>
Hàng bán bị trả lại	(2.213.001.732)	-
Chiết khấu thương mại	(92.239.584)	-
Giảm giá hàng bán	(2.003.300)	(1.976.868.839)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>682.802.403.195</b>	<b>663.294.605.336</b>
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	676.042.466.284	653.537.678.587
Doanh thu bán hàng hóa	4.427.549.923	7.434.663.864
Khác	2.332.386.988	2.322.262.885

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.444.410.592	1.465.915.663
Lãi chênh lệch tỷ giá	37.841.420	431.022.454
Thu nhập từ cổ tức	-	195.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.482.252.012</b>	<b>2.091.938.117</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn thành phẩm	565.119.885.010	560.186.331.212
Giá vốn hàng hóa	4.169.989.387	7.039.897.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>569.289.874.397</b>	<b>567.226.229.181</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>20.597.337.203</b>	<b>16.591.122.622</b>
Chi phí lương nhân viên	8.216.410.853	7.300.809.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.973.960.773	7.865.439.212
Chi phí khấu hao	141.083.175	193.449.180
Khác	6.265.882.402	1.231.425.043
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25.436.763.044</b>	<b>34.490.894.719</b>
Chi phí lương nhân viên	12.233.119.710	19.784.482.681
Chi phí khấu hao	2.153.656.724	1.878.789.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.692.867.326	3.911.484.278
Khác	9.357.119.284	8.916.138.320
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.034.100.247</b>	<b>51.082.017.341</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	681.864.761	14.429.699.965
Khác	41.352.175	257.053.135
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>723.216.936</b>	<b>14.686.753.100</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuê đất bổ sung	14.339.497.065	-
Chi phí phạt do chậm nộp thuế	882.813.720	125.789.244
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.222.310.785</b>	<b>125.789.244</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu	471.798.103.575	471.200.605.968
Chi phí nhân công	82.057.558.736	81.720.874.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.911.324.471	28.781.778.748
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	24.966.566.799	28.059.359.738
Khác	16.396.995.245	10.165.775.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>623.130.548.826</u></b>	<b><u>619.928.394.365</u></b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.446.378.139	7.470.275.662
Thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	-	358.373.917
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(808.911.301)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.637.466.838</u></b>	<b><u>7.828.649.579</u></b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>56.126.044.314</b>	<b>33.492.509.218</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thay đổi dự phòng trợ cấp thất nghiệp	4.044.556.506	-
Chi phí không được trừ	2.061.289.876	658.289.244
Cổ tức nhận được	-	(195.000.000)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>62.231.890.696</b>	<b>33.955.798.462</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>12.446.378.139</b>	<b>7.470.275.662</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	8.639.726.581	1.414.719.165
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	-	358.373.917
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(17.276.188.983)	(1.941.059.190)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 13)</b>	<b>3.809.915.737</b>	<b>7.302.309.554</b>

**24.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, và các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		VND Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	808.911.301	-	808.911.301	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>808.911.301</b>	<b>-</b>	<b>808.911.301</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>808.911.301</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Dongwon System Corporation	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu	1.362.627.970	754.947.820

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Thù lao và thưởng	2.440.306.874	1.322.755.185

**26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngoại tệ: - Đô la Mỹ	47.216	100.223

**27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê căn kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	2.522.677.200	2.522.677.200
Từ 1 đến 5 năm	1.051.115.500	2.312.454.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.573.792.700</b>	<b>4.835.131.300</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày



**28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Một vài số liệu trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của kỳ này. Dưới đây là bảng tóm tắt các điều chỉnh phân loại lại như sau:

Chỉ tiêu	Như trình bày trước đây	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số liệu được phân loại lại
			VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.320.495.290	(10.000.000)	998.771.780
Phải thu dài hạn khác	-	10.000.000	10.000.000
Phải trả người lao động	27.634.096.866	(20.028.981.113)	7.235.292.448
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.576.891.485	20.028.981.113	21.605.872.598
Phải trả ngắn hạn khác	51.702.134.421	-	51.760.234.216
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Chi phí bán hàng	(9.302.661.435)	(7.288.461.187)	(16.591.122.622)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(41.779.355.906)	7.288.461.187	(34.490.894.719)

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trần Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

Le Sehoon  
Giám đốc Tài chính

Jo Jeong Kook  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016